Ký bởi: HĐND tỉnh Thanh Hóa
Giờ ký:26/11/2026 16:43:29

| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH THANH HÓA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 43/2026/NQ-HĐND | *Thanh Hóa, ngày 26 tháng 11 năm 2026* |

# NGHỊ QUYẾT
## Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 41/2024/QH15 và Luật số 112/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 335/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội;*

*Xét Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1807/BC-VHXH ngày 24 tháng 11 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 70 tuổi thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng

Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 70 tuổi thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng và không thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP; chưa có chồng hoặc vợ, con ruột hoặc con nuôi được pháp luật công nhận hoặc đã có chồng hoặc vợ, con ruột hoặc con nuôi được pháp luật công nhận nhưng những người này đã chết, mất tích hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

**Điều 2. Nội dung và mức trợ giúp xã hội; hồ sơ, trình tự, thủ tục hưởng chính sách**

1. Mức trợ giúp xã hội:

a) Mức trợ cấp xã hội hằng tháng là 540.000 đồng/người.

b) Mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định của Chính phủ.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách theo quy định tương ứng tại Điều 7, Điều 8 và khoản 3 Điều 11 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

**Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách tỉnh bảo đảm hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2026./.*

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hồng Phong**